TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI LỘC
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án: 176/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16/8/2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI LỘC, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Anh Huỳnh Văn Phú

+ Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Nam Phước và ông Nguyễn Đình Bạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Vân - Kiểm sát viên.

Vào hồi 7 giờ 30 phút ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 79/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị N, sinh 1987; trú tại: thôn L, xã A, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

- ***Bị đơn:*** Anh Trần Thanh T, sinh 1987; trú tại: thôn M, xã A, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời khai của đương sự, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Chị Trần Thị N trình bày: Chị và anh Trần Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27 tháng 6 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không có trách nhiệm với vợ con, không lo làm ăn, thường uống rượu và chơi cờ bạc làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình. Mặc dù chị N góp ý nhưng anh T không nghe dẫn đến vợ chồng lời qua tiếng lại làm cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, nên tháng 11 năm 2018 chị N đã đưa các con về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay .

Xét thấy, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần H, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2012 và Trần Bảo R, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2018. Hiện tại các con đang ở với chị N tại thôn L, xã A, huyện Đại Lộc.

Chị N có nguyện vọng được nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng

nuôi con..

- ***Về tài sản chung, nợ chung:*** Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với anh Trần Thanh T: Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc đã giao trực tiếp Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Trần Thanh T nhưng anh không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện và cố tình trốn tránh, không làm việc với Tòa án mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc phát biểu quan điểm:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đảm bảo đúng quy định pháp luật, bị đơn anh Trần Thanh T nhiều lần không chấp hành giấy triệu tập và các thủ tục của Tòa án ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

- Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh T.

- Quan hệ con chung: Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định cho con, đề nghị HĐXX giao các cháu H và R cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

- Quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Thanh T cố tình trốn tránh, không làm việc với Tòa án. Do vậy, để tống đạt hợp lệ cho anh T, Tòa án đã niêm yết tất cả các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 31/7/2019, anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng đã vắng mặt không có lý do, phiên tòa được hoãn để xét xử lại vào ngày hôm nay, nhưng anh T vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Trần Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đại lộc theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 27 tháng 6 năm 2011. Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không có trách nhiệm với vợ con, không lo làm ăn, thường uống rượu và chơi cờ bạc làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình. Tháng 11 năm 2018 chị N đã đưa các con về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra chị N đưa các con về nhà cha mẹ ruột sinh sống, chị N có nguyện vọng nuôi con. Chị N làm công nhân và thu nhập hằng tháng ổn định, có điều kiện chăm sóc con chung, cháu H và Rcòn nhỏ cần được sự chăm sóc nuôi dưỡng của mẹ. Trong thời gian trước đây và hiện nay các cháu H và Rdo chị N nuôi dưỡng đảm bảo tốt về mọi mặt, nên chấp nhận yêu cầu của chị N, giao

cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung là phù hợp với thực tế và quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị N không yêu cầu anh T đóng góp nuôi con nên Tòa án không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án thì chị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 27, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Trần Thanh T.

- **Về con chung:** Giao các con chung Trần H, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2012 và Trần Bảo R, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2018 cho chị Trần Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H và Rđủ 18 tuổi (hiện các cháu H và Rđang ở với chị N tại thôn L, xã A, huyện Đại Lộc).

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn không ai được cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- **Về án phí:** Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu 03159 ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Lộc.

- **Về quyền kháng cáo:** Chị Trần Thị N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Trần Thanh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện Đại Lộc;*
- *Chi cục THADS huyện Đại Lộc;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Văn Phú